

THÔNG TƯ
Quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh

Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2015;

2. Thông tư số 27/2019/TT-BYT ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi một số điều Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định việc cấp và sử dụng Giấy chứng sinh như sau:¹

¹ Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình ngày 19 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Điều 16 Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về thẩm quyền và thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng sinh; in và cung cấp mẫu Giấy chứng sinh; cách ghi Giấy chứng sinh và báo cáo thống kê số liệu cấp Giấy chứng sinh.

Điều 2. Thẩm quyền và thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng sinh

1. Thẩm quyền cấp, cấp lại Giấy chứng sinh

a) Bệnh viện đa khoa có khoa sản; Bệnh viện chuyên khoa phụ sản, Bệnh viện sản - nhi;

b) Nhà hộ sinh;

c) Trạm y tế cấp xã;

d) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hợp pháp khác được phép cung cấp dịch vụ đỡ đẻ.

2. Thủ tục cấp Giấy chứng sinh

Căn cứ Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Vụ trưởng Vụ Pháp chế - Bộ Y tế,

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh"

Thông tư số 27/2019/TT-BYT ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi một số điều Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Điều 16 của Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều 5 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Thực hiện Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư sửa đổi một số điều Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh."

a)² Trước khi trẻ sơ sinh về nhà, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu Giấy chứng sinh tại Phụ lục 01 hoặc Phụ lục 01A ban hành kèm theo Thông tư này. Cha, mẹ hoặc người thân thích của trẻ có trách nhiệm đọc, kiểm tra lại thông tin trước khi ký. Giấy chứng sinh được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản giao cho bố, mẹ hoặc người thân thích của trẻ để làm thủ tục khai sinh và 01 bản lưu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

b)³ Trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ thì cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng của trẻ phải điền vào Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng sinh theo mẫu quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này và nộp cho Trạm y tế tuyến xã nơi trẻ sinh ra để xin cấp Giấy chứng sinh cho trẻ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng sinh, Trạm y tế tuyến xã phải làm thủ tục cấp Giấy chứng sinh cho trẻ. Trong trường hợp cần phải xác minh, thì thời hạn xác minh không được quá 05 ngày làm việc. Việc cấp Giấy chứng sinh thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

c)⁴ Trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ thì Bên vợ chồng nhờ mang thai hộ hoặc Bên mang thai hộ phải nộp Bản xác nhận về việc sinh con bằng kỹ thuật mang thai hộ theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này và bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có kèm theo bản chính để đối chiếu Bản thỏa thuận về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo giữa vợ chồng nhờ mang thai hộ và Bên mang thai hộ gửi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi trẻ sinh ra.

Trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ sẽ được cấp Giấy chứng sinh theo Mẫu quy định tại Phụ lục 01A ban hành kèm theo Thông tư này. Giấy chứng sinh này là văn bản chứng minh việc mang thai hộ khi làm thủ tục đăng ký khai sinh.

Việc cấp Giấy chứng sinh thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

3. Thủ tục cấp lại Giấy chứng sinh

² Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 34/2015/TT-BYT, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2015.

³ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 27/2019/TT-BYT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

⁴ Điểm này được bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 34/2015/TT-BYT, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2015

a) Trường hợp đã cấp Giấy chứng sinh mà phát hiện có nhầm lẫn khi ghi chép Giấy chứng sinh: bố, mẹ hoặc người thân thích của trẻ phải làm Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng sinh theo mẫu quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này, kèm theo giấy tờ chứng minh nội dung nhầm lẫn gửi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã cấp Giấy chứng sinh cho trẻ lần đầu. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được các giấy tờ hợp lệ, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng sinh có nhầm lẫn để hủy, đơn và giấy tờ chứng minh được lưu cùng với bản lưu cũ tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Giấy chứng sinh được cấp lại phải ghi rõ số, quyển số của Giấy chứng sinh cũ và đóng dấu “Cấp lại”. Trong trường hợp cần phải xác minh, thì thời hạn xác minh không quá 03 ngày làm việc.

Giấy tờ chứng minh nội dung nhầm lẫn: đối với trường hợp nhầm lẫn về họ tên mẹ hoặc người nuôi dưỡng, năm sinh, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, số chứng minh nhân dân, dân tộc thì gửi kèm bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân (mang theo bản chính để đối chiếu); đối với trường hợp nhầm lẫn về nơi đăng ký tạm trú thì kèm theo xác nhận của Công an khu vực về nơi đăng ký tạm trú.

b) Trường hợp mất, rách, nát Giấy chứng sinh: bố, mẹ hoặc người thân thích của trẻ phải làm Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng sinh theo mẫu quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này có xác nhận của Tổ trưởng Tổ dân phố hoặc trưởng thôn về việc sinh và đang sinh sống tại địa bàn khu dân cư gửi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã cấp Giấy chứng sinh cho trẻ lần đầu. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng sinh mới như trường hợp cấp Giấy chứng sinh có nhầm lẫn. Trong trường hợp cần phải xác minh, thì thời hạn xác minh không được quá 03 ngày làm việc.

Điều 3. In ấn và cung cấp mẫu Giấy chứng sinh

1. Giấy chứng sinh được in sẵn và đóng thành sổ. Kích thước của Sổ Giấy chứng sinh là khổ giấy A4 (210 x 297 mm). Mỗi trang trong sổ được chia thành 02 phần có nội dung giống nhau để ghi các thông tin liên quan đến trẻ sinh ra sống. Trong trường hợp những cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang sử dụng phần mềm quản lý thì không nhất thiết phải đóng thành sổ, nhưng phải bảo đảm in và cấp Giấy chứng sinh cho trẻ theo đúng mẫu quy định tại Thông tư này.

2. Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm lập kế hoạch in ấn và cung cấp mẫu Giấy chứng sinh miễn phí cho trạm y tế cấp xã. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác tự in ấn để sử dụng.

Điều 4. Cách ghi Giấy chứng sinh

Việc ghi Giấy chứng sinh được thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Báo cáo thống kê số liệu cấp Giấy chứng sinh

1. Nội dung báo cáo thống kê số liệu cấp Giấy chứng sinh bao gồm:

- a) Tổng số trẻ sinh ra sống;
- b) Tổng số trẻ sinh ra sống được cấp Giấy chứng sinh;
- c) Những khó khăn, tồn tại khi ghi, cấp Giấy chứng sinh.

2.⁵ Việc báo cáo các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc báo cáo thống kê y tế.

Điều 6. Điều khoản thi hành⁶

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

⁵ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 27/2019/TT-BYT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

⁶ Điều 2 của Thông tư số 34/2015/TT-BYT, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2015 quy định như sau:

"Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2015.

2. Mẫu Giấy chứng sinh được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế. Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thể truy cập trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế để in và sử dụng.

3. Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em; Vụ trưởng Vụ Pháp chế; Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Bộ Y tế để xem xét, giải quyết."

Điều 2 Thông tư số 27/2019/TT-BYT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019 quy định như sau:

"Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

2. Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 5 và Phụ lục số 02 Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em; Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em) để được xem xét, giải quyết./."

Mẫu Giấy chứng sinh được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế. Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thể truy cập trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế để in và sử dụng.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề cần giải thích và hướng dẫn, đề nghị phản ánh về Bộ Y tế (Vụ Sức khỏe Bà mẹ - trẻ em) để nghiên cứu giải quyết./.

BỘ Y TẾ

Số: **15** /VBHN-BYT

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, PC, Vụ SKBMTE.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày **28** tháng **10** năm 2019

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Trường Sơn

BỘ Y TẾ

Phụ lục số 01

SỔ THEO DÕI CẤP GIẤY CHỨNG SINH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế)
BYT/CS-2012

Tỉnh:

Huyện:

Xã/Phường:

Tên cơ sở y tế:

Quyển số:

Năm 20

Cơ sở Y tế

Mẫu BHYT/CS-2017

Số:

Quyển số:

GIẤY CHỨNG SINH⁷

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Họ và tên mẹ/Người nuôi dưỡng:

Năm sinh:

Nơi đăng ký thường trú:

Mã số BHXH/Thẻ BHYT số:

Giấy CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Dân tộc:

Họ và tên cha:

Đã sinh con vào lúc: ...giờ...phút, ngày...tháng...năm.....

Tại:

Số con trong lần sinh này:

Giới tính của con:Cân nặng

Dự định đặt tên con là:

Ghi chú:

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

Cha, mẹ, người
nuôi dưỡng
(ký, ghi rõ họ tên)

Người đỡ đẻ
(ký, ghi rõ họ tên)

Người ghi
phiếu
(Ký, ghi rõ chức
danh)

Thủ trưởng
cơ sở y tế
(Ký, ghi rõ họ, tên và
đóng dấu)

Lưu ý:

Giấy chứng sinh cấp lần đầu: Số: Quyển số: (nếu cấp lại)

Tên dự định đặt có thể được thay đổi khi đăng ký khai sinh,

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày sinh con, cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng phải đi khai sinh cho trẻ.

⁷ Mẫu này được thay thế bởi Phụ lục 5 Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội và Luật An toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2018

Cơ sở Y tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Phụ lục số 01

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu BHYT/CS-2017

Số:

Quyển số:

GIẤY CHỨNG SINH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Họ và tên mẹ/Người nuôi dưỡng:

Năm sinh:

Nơi đăng ký thường trú:

Mã số BHXH/Thẻ BHYT số:

Giấy CMND/Hộ chiếu:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Dân tộc:

Họ và tên cha:

Đã sinh con vào lúc:giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

Tại:

Số con trong lần sinh này:

Giới tính của con:Cân nặng

Dự định đặt tên con là:

Ghi chú:

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Cha, mẹ, người nuôi dưỡng Người đỡ đẻ Người ghi phiếu Thủ trưởng CSYT
(ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ chức danh và họ tên) (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

Tên dự định đặt có thể được thay đổi khi đăng ký khai sinh,

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày sinh con, cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng phải đi khai sinh cho trẻ.

Cơ sở Y tế

Mẫu BHYT/CS-2015

Số:

Quyển số:

GIẤY CHỨNG SINH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Thông tin của bên nhờ mang thai hộ:

Họ và tên vợ: Năm sinh:

Số CMND/Hộ chiếu: Dân tộc:

Nơi đăng ký thường trú:

Họ và tên chồng: Năm sinh:

Số CMND/Hộ chiếu: Dân tộc:

Nơi đăng ký thường trú:

2. Phần thông tin của bên mang thai hộ

Họ và tên vợ: Năm sinh:

Số CMND/Hộ chiếu: Dân tộc:

Nơi đăng ký thường trú:

Họ và tên chồng: Năm sinh:

Số CMND/Hộ chiếu: Dân tộc:

Nơi đăng ký thường trú:

Đã sinh con vào lúc: ... giờ ... phút ... ngày ... tháng ... năm ...

Tại:

Số con trong lần sinh này:

Giới tính của con: Cân nặng

Dự định đặt tên con là:

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

Người MTH Người nhờ MTH Người đỡ đẻ Thủ trưởng CSYT

(ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ chức danh)

Lưu ý Giấy chứng sinh cấp lần đầu: Số: Quyển số: (nếu cấp lại)

⁸ Mẫu này được bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 34/2015/TT-BYT, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2015.

Cơ sở Y tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 01A

Mẫu BHYT/CS-2015

Số:

Quyển số:

GIẤY CHỨNG SINH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Thông tin của bên nhờ mang thai hộ:

Họ và tên vợ: Năm sinh:

Số CMND/Hộ chiếu: Dân tộc:

Nơi đăng ký thường trú:

Họ và tên chồng: Năm sinh:

Số CMND/Hộ chiếu: Dân tộc:

Nơi đăng ký thường trú:

2. Phần thông tin của bên mang thai hộ

Họ và tên vợ: Năm sinh:

Số CMND/Hộ chiếu: Dân tộc:

Nơi đăng ký thường trú:

Họ và tên chồng: Năm sinh:

Số CMND/Hộ chiếu: Dân tộc:

Nơi đăng ký thường trú:

Đã sinh con vào lúc: giờ phút ngày tháng năm

Tại:

Số con trong lần sinh này:

Giới tính của con: Cân nặng

Dự định đặt tên con là:

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

Người MTH/ Người nhờ MTH Người đỡ đẻ Người ghi phiếu Thủ trưởng CSYT

(ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ chức danh và họ tên) (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Chú thích

Con sinh ra là con của Bên (vợ chồng) nhờ mang thai hộ

Tên con dự định đặt (do bên nhờ mang thai hộ dự định đặt) có thể được thay đổi khi đăng ký khai sinh,

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày sinh con, cha/mẹ phải đi khai sinh cho trẻ.

Phụ lục số 02⁹

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2019/TT-BYT ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI

Đề nghị cấp Giấy chứng sinh

(Đối với trường hợp trẻ sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ)

Kính gửi: Trạm Y tế xã/phường/thị trấn⁽¹⁾

Tôi tên là:
Số CMT/Thẻ CCCD/Hộ chiếu/Mã số ĐDCD:
Địa chỉ:
Xin đề nghị được cấp Giấy chứng sinh theo thông tin như sau:
Họ tên mẹ/Người nuôi dưỡng:
Năm sinh:
Số CMT/Thẻ CCCD/Hộ chiếu/Mã số ĐDCD:
Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/tạm trú.....
Dân tộc:
Đã sinh con vào lúc:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm:.....
Tại:.....
Số con trong lần sinh này:.....
Giới tính khi sinh của con:..... Cân nặng:.....
Dự định đặt tên con:.....
Người đỡ đẻ:

.....⁽²⁾, ngày.....tháng.....năm 20.....

Người đề nghị

(Ký tên, ghi rõ họ tên và quan hệ với trẻ)

⁽¹⁾: Ghi tên xã/phường/thị trấn nơi trẻ sinh ra

⁽²⁾: Ghi địa danh xã/phường/thị trấn nơi người đề nghị cấp giấy chứng sinh cư trú

⁹ Phụ lục này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 27/2019/TT-BYT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

Phụ lục số 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại Giấy chứng sinh

Kính gửi:

Họ tên mẹ/người nuôi dưỡng:.....

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:.....

Địa chỉ:

Sinh cháu: ngày:..... tháng:..... năm: 20

Tại:.....

Tên dự kiến của cháu:

Đã được cơ quan cấp Giấy chứng sinh: tháng.....năm..... Đề nghị cơ quan cấp lại Giấy chứng sinh cho cháu vì:

1- Mất/thất lạc/ rách nát

2- Nhầm lẫn trong Giấy chứng sinh lần trước (Ghi cụ thể sự nhầm lẫn):

3- Khác Ghi cụ thể :

....., ngày.....tháng..... năm 20.....
Xác nhận của tổ trưởng dân phố/trưởng thôn

Người làm đơn

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 04¹⁰

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI GIẤY CHỨNG SINH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

- Cơ sở KB, CB:** Ghi rõ tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Ví dụ: *Trạm y tế xã A hoặc Bệnh viện đa khoa huyện B.*
 - Số:** Ghi rõ số Giấy chứng sinh theo thứ tự trong năm bằng hai chữ số. Ví dụ: *Trẻ sơ sinh sinh vào ngày 01/9/2019 là trẻ sinh ra sống số 85 của năm 2019 tại trạm y tế xã A, thì Giấy chứng sinh sẽ ghi là Số: 2019/85*
 - Quyển số:** Ghi rõ số quyển theo thứ tự liên tục số sổ cấp Giấy chứng sinh của cơ sở y tế. Ví dụ: *Đến 31/8/2019, Trạm y tế xã A dùng hết cuốn số cấp giấy chứng sinh thứ 5. Ngày 01/10/2019, trạm y tế có 01 trường hợp trẻ sinh ra sống tại trạm y tế xã, thì Giấy chứng sinh của trẻ được sang quyển số mới là số 6 (của trạm y tế xã A), thì Giấy chứng sinh sẽ ghi là Quyển số: 06*
 - Họ và tên mẹ hoặc người nuôi dưỡng:** Ghi tên mẹ theo bản chính Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ khẩu bằng chữ in hoa, có dấu. Ví dụ: *NGUYỄN THỊ A.*
 - Năm sinh:** Ghi năm sinh của mẹ hoặc người nuôi dưỡng theo năm dương lịch. Ví dụ: *1990*
 - Nơi đăng ký thường trú:** Ghi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú theo địa danh 4 cấp: *Thôn/bản, xã/phường/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố.*

Trường hợp người mẹ hoặc người nuôi dưỡng đang tạm trú tại địa bàn nơi trẻ được sinh ra sống thì ghi rõ là tạm trú, theo địa danh 4 cấp.

Trường hợp người nước ngoài có đăng ký thường trú, tạm trú tại Việt Nam thì ghi giống như người Việt Nam.

Trường hợp người nước ngoài không đăng ký thường trú, tạm trú tại Việt Nam nhưng sinh sống ở vùng biên giới sang để ở các cơ sở y tế của Việt Nam thì ghi tên tỉnh và nước nơi họ đang sinh sống.
 - Mã số BHXH/Thẻ BHYT số:** Ghi số sổ BHXH hoặc mã số BHXH. Nếu không có thì ghi rõ Không có.
- Việc ghi mã số bảo hiểm xã hội chỉ áp dụng khi cơ quan bảo hiểm xã hội chính thức có thông báo về việc sử dụng mã số bảo hiểm xã hội thay cho số sổ bảo hiểm xã hội.

¹⁰ Phụ lục được thay thế bởi Phụ lục 5 Thông tư số 56/2017/TT-BYT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.

8. **Số chứng minh nhân dân (CMND)/Thẻ căn cước/Hộ chiếu:** Ghi rõ số CMND hoặc số thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu của người mẹ hoặc người nuôi dưỡng. Trong trường hợp không có giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu thì bỏ trống.

(Chỉ áp dụng quy định ghi số CMND hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đến khi cơ quan bảo hiểm xã hội chính thức có thông báo về việc sử dụng mã số bảo hiểm xã hội thay cho số thẻ bảo hiểm y tế).

9. **Ngày cấp:** Ghi đầy đủ ngày, tháng, năm được cấp CMND hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người mẹ hoặc người nuôi dưỡng.

10. **Nơi cấp:** Ghi đầy đủ nơi cấp CMND hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người mẹ hoặc người nuôi dưỡng.

11. **Dân tộc:** Ghi rõ tên dân tộc của người mẹ hoặc người nuôi dưỡng như: Kinh, Tày, Nùng, Hoa hoặc các dân tộc khác.

12. **Họ và tên cha:** Ghi theo bản chính CMND hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của cha. Trong trường hợp người cha không có giấy tờ hoặc không có thông tin thì ghi rõ: Không có thông tin. Cơ sở y tế không phải chịu trách nhiệm về sai sót về thông tin của người cha.

13. **Đã sinh con vào lúc:** Ghi giờ, phút, ngày, tháng, năm mà đứa trẻ sinh ra theo năm dương lịch.

14. **Tại:** Ghi tại nơi trẻ được sinh ra sống, cụ thể:

a) Trường hợp trẻ em được sinh ra sống tại bệnh viện, thì ghi tên bệnh viện và địa danh hành chính nơi trẻ em được sinh ra (*Ví dụ: bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định*). Trường hợp trẻ em được sinh tại cơ sở y tế khác thì ghi tên cơ sở y tế và địa danh hành chính 3 cấp nơi trẻ em sinh ra (*Ví dụ: Trạm y tế xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định*);

b) Trường hợp trẻ em được sinh ra sống tại nhà nhưng do cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ thì ghi tại nhà và địa danh 3 cấp: cấp xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố (*Ví dụ: tại nhà ở xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định*);

c) Trường hợp trẻ em được sinh ra sống tại nơi khác, ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng do cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ thì cũng ghi nơi trẻ em được sinh ra và địa danh 3 cấp hành chính (*Ví dụ: để trên đường đi, tại xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định*).

15. **Số con trong lần đẻ này:** Ghi số con đẻ lần này. Trong trường hợp đẻ sinh đôi hoặc sinh nhiều hơn thì ghi cụ thể số con và cấp Giấy chứng sinh riêng cho từng trẻ.

16. **Giới tính của con:** Ghi cụ thể trẻ em sinh ra sống là nam hay nữ. Trường hợp dị tật, không rõ là nam hay nữ thì ghi là không xác định.

17. **Cân nặng:** Ghi trọng lượng của trẻ đẻ ra được cân trong giờ đầu sau khi sinh theo đơn vị tính gram. (Ví dụ: trẻ sinh ra là 3500gram). Nếu không được cân thì ghi rõ Không cân.

18. **Dự định đặt tên con:** Ghi tên dự kiến đặt cho trẻ. Tên dự kiến này có thể thay đổi khi đăng ký khai sinh.

19. **Ghi chú:** Trường hợp sinh con phải phẫu thuật hoặc sinh con dưới 32 tuần tuổi hoặc vừa sinh con dưới 32 tuần tuổi lại vừa phải phẫu thuật thì trong phần ghi chú phải ghi rõ một trong các nội dung sau "sinh con phải phẫu thuật" hoặc "sinh con dưới 32 tuần tuổi" hoặc "phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi".

20. **Ngày, tháng, năm:** Ghi theo ngày, tháng, năm dương lịch cấp Giấy chứng sinh.

21. **Cha, mẹ, người nuôi dưỡng:** Ký tên, ghi rõ họ tên, quan hệ với trẻ sơ sinh. Ví dụ: cha đẻ, Nguyễn Văn Y.

22. **Người đỡ đẻ:** ký tên, ghi rõ chức danh và họ tên (đối với trường hợp đẻ tại cơ sở y tế).

Trong trường hợp đẻ tại nhà hoặc nơi khác không phải cơ sở y tế nhưng do cán bộ y tế hoặc Cô đỡ thôn bản đỡ thì ghi cụ thể tên và chức danh của người đỡ. Ví dụ: Cô đỡ thôn bản đỡ thì ghi Cô đỡ Thào Thị A

23. **Người ghi phiếu:** Ký tên, ghi rõ chức danh và họ tên.

24. **Thủ trưởng cơ sở y tế:** Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc người được người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ủy quyền được ký và đóng dấu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó.

Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ có 01 người có đủ thẩm quyền khám và ký giấy ra viện thì người đó chỉ cần ký và đóng dấu vào phần người thủ trưởng cơ sở y tế.

Trường hợp đẻ tại nhà hoặc nơi khác không phải cơ sở y tế nhưng do cán bộ y tế hoặc Cô đỡ thôn bản đỡ, mà trạm y tế cấp Giấy chứng sinh thông qua nhân viên y tế thôn/bản thì trưởng trạm y tế ghi và xác nhận, ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên.

Phụ lục số 05¹¹

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BẢN XÁC NHẬN Về việc sinh con bằng kỹ thuật mang thai hộ

Kính gửi:

1. Thông tin của bên nhờ mang thai hộ:

Họ và tên vợ:..... Năm sinh.....
Số CMND/Hộ chiếu: Dân tộc:.....
Nơi đăng ký thường trú:
Họ và tên chồng (nếu có):..... Năm sinh.....
Số CMND/Hộ chiếu: Dân tộc:.....
Nơi đăng ký thường trú:
Giấy đăng ký kết hôn số (nếu có):.....

2. Thông tin của bên mang thai hộ

Họ và tên vợ:..... Năm sinh.....
Số CMND/Hộ chiếu: Dân tộc:.....
Nơi đăng ký thường trú:
Họ và tên chồng (nếu có):..... Năm sinh.....
Số CMND/Hộ chiếu: Dân tộc:.....
Nơi đăng ký thường trú:

Giấy đăng ký kết hôn số (nếu có):.....
Chúng tôi xác nhận đã thực hiện kỹ thuật mang thai hộ thành công tại Bệnh viện:

.....
Vào ngày..... tháng..... năm..... theo Bản Thỏa thuận mang thai hộ vì mục đích nhân đạo
đã được chứng thực (công chứng) tại:.....

....., ngày.....tháng..... năm 20...

**NGƯỜI VỢ NHỜ
MANG THAI HỘ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI CHỒNG NHỜ
MANG THAI HỘ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI VỢ
MANG THAI HỘ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI CHỒNG
MANG THAI HỘ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹¹ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 34/2015/TT-BYT, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2015.